

Phụ lục
MỘT SỐ THÔNG TIN
VỀ GIỐNG LÚA LAI HAI DÒNG LC270
(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-TT-CLT ngày tháng 12 năm 2022
của Cục trưởng Cục Trồng trọt)

Tên tổ chức đứng tên đăng ký gia hạn quyết định công nhận lưu hành:
Trung tâm Giống Nông nghiệp tỉnh Lào Cai.

Địa chỉ: Tổ 32, phường Cốc Lếu, Thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai.

Điện thoại: 0214.3844.608;

Fax: 0214.3840.118;

E-mail: laocaiseed@gmail.com

Công bố các thông tin về giống cây trồng cụ thể như sau:

1. Tên giống cây trồng: Giống lúa lai hai dòng LC270

2. Thông tin về giống lúa lai hai dòng LC270:

2.1. Đặc tính giống cây trồng:

Đặc tính của giống lúa lai hai dòng LC270 qua kết quả khảo nghiệm cơ bản tại một số tỉnh phía Bắc:

Chỉ tiêu	Đơn vị tính hoặc điểm	Mức độ biểu hiện
1. Sức sống của mạ	1	Khỏe
2. Độ dài giai đoạn trổ	5	Trung bình
3. Độ thuần đồng ruộng	1	Cao
4. Độ thoát cỏ bông	1-3	Thoát hoàn toàn
5. Độ cứng cây	3	Cây cứng khá
6. Độ tàn lá	5	Trung bình
7. Thời gian sinh trưởng	Ngày	Vụ Xuân: 121-123, Vụ Mùa: 101.
8. Chiều cao cây	Cm	92-111
9. Độ rụng hạt	1	Khó rụng
10. Số bông hữu hiệu	bông/khóm	4,9-5,3
11. Số hạt trên bông	hạt/bông	136-165
12. Tỷ lệ lép	%	11,0-18,9
13. Khối lượng 1000 hạt	gam	226,5-29,1
14. Năng suất hạt	tạ/ha	Vụ Xuân: 61,2-70,4 Vụ Mùa: 56,2
15. Chất lượng thóc gạo		Kết quả phân tích tại Trung Tâm KKN Giống, SPCT Quốc gia
Tỷ lệ gạo lật	%	80,0
Tỷ lệ gạo xát	%	69,2
Tỷ lệ gạo nguyên	%	61,0

Dài hạt gạo	mm	7,1
Tỷ lệ D/R		3,3
Tỷ lệ trắng trong	%	7,5
Độ trắng bạc	%	42,6
Hàm lượng amylose	%CK	20,7
Nhiệt độ hóa hồ		Trung bình
16. Chất lượng cơm		Kết quả phân tích tại Trung Tâm KKN Giống, SPCT Quốc gia
Mùi thơm	Điểm	2,0
Độ trắng	Điểm	5,0
Độ mềm	Điểm	3,0
Độ ngon	Điểm	2,0

* Vật liệu nhân giống: Chất lượng hạt giống lúa phù hợp Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia.

* Kết quả khảo nghiệm có kiểm soát:

Đối với bệnh đạo ôn: Kháng (cấp bệnh 3/9) với các nguồn nấm đạo ôn đại diện vùng Trung du miền núi phía Bắc, Đồng bằng sông Hồng và Bắc Trung Bộ.

Đối với bệnh bạc lá: Nhiễm vừa (cấp bệnh 5/9) với nguồn bạc lá đại diện cho vùng Trung du miền núi phía Bắc; Kháng (cấp bệnh 3/9) với nguồn bạc lá đại diện cho các tỉnh Đồng bằng sông Hồng và Bắc Trung Bộ.

Đối với rầy nâu: Nhiễm vừa (cấp hại 5/9) với nguồn rầy nâu thu thập đại diện cho vùng Đồng bằng sông Hồng; nhiễm (cấp hại 7/9) với nguồn rầy nâu thu thập đại diện cho vùng Trung du miền núi phía Bắc và Bắc Trung Bộ.

2.2. Hướng dẫn bảo quản và sử dụng:

- Điều kiện bảo quản: Chất lượng tối thiểu của lô hạt giống khi đưa vào bảo quản:

- + Độ ẩm <13%.
- + Hạt khác giống $\leq 0,3\%$
- + Tỷ lệ nảy mầm $\geq 80\%$.
- + Tạp chất < 0,5%
- + Các chỉ tiêu khác theo Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia.

Hạt giống sau khi chế biến được đóng bao xác rắn, lượng 40kg/bao, bảo quản trong điều kiện kho lạnh nhiệt độ < 15-18⁰C. Thực hiện các bước sau:

Bước 1: Vệ sinh kho, phun thuốc hóa học xử lý côn trùng

Bước 2: Xếp bao thóc giống theo lô < 30.000 kg/lô, đảm bảo yêu cầu về độ thông thoáng. Chiều cao lô giống $\leq 3,5$ m. Chiều rộng lô từ 2,0 - 2,2 m. Khoảng cách lô 0,5 m cùng loại sản phẩm, 3 m khác loại sản phẩm. Gắn thẻ kho

lô giống (tên giống, mã lô giống, khối lượng, ngày bảo quản...) trên đầu lô thóc bảo quản.

Bước 3: Trong quá trình bảo quản cán bộ kỹ thuật và thủ kho phải kiểm tra thường xuyên tình trạng của lô giống để nắm tình hình chất lượng, kiểm tra độ ẩm của thóc, tỷ lệ nảy mầm, mật độ sâu mọt... và có biện pháp xử lý kịp thời.

- Phạm vi sử dụng của giống:

- + Về thời vụ gieo trồng:

Vùng Trung du miền núi phía Bắc: vụ Xuân gieo mạ 5/2-15/2, vụ Mùa gieo mạ 20/6-30/6.

Vùng Bắc Trung bộ: Vụ Xuân gieo mạ 25/12-10/1, vụ Mùa gieo mạ 20/4-1/5, vụ Hè thu gieo 01/6-20/6.

Vùng Đồng bằng sông Hồng: vụ Xuân gieo mạ 5/2-25/2, vụ Mùa gieo mạ 10/6-20/6.

- + Vùng sản xuất: Các tỉnh phía Bắc.

2.3. Tóm tắt quy trình canh tác:

- Về thời vụ gieo trồng:

- + Vùng Trung du miền núi phía Bắc: vụ xuân gieo mạ 5/2-15/2, vụ mùa gieo mạ 20/6-30/6.

- + Vùng Bắc Trung bộ: vụ xuân gieo mạ 25/12-10/1, vụ mùa gieo mạ 20/4-1/5, vụ hè thu gieo 1/6-20/6.

- + Vùng Đồng bằng Sông Hồng: vụ xuân gieo mạ 5/2-25/2, vụ mùa gieo mạ 10/6-20/6.

- Gieo mạ:

- + Lượng giống gieo: 1 kg/sào Bắc bộ

- + Ngâm ủ: Rửa sạch giống bằng nước sạch, vớt bỏ lép, lửng ngâm riêng. Vụ Xuân ngâm hạt giống bằng nước ấm trong thời gian 24 – 30 giờ. Vụ Mùa ngâm bằng nước lạnh từ 18 – 20 giờ, thay nước rửa chua thường xuyên 5 - 7 giờ/ lần. Sau đó vớt rửa sạch, để ráo đem ủ ở nhiệt độ 20 - 30°C. Dùng thúng hoặc bao tải loại thấm nước để ủ. Khi mộng ra đủ rễ và mầm (mầm bằng 1/2 chiều dài hạt thóc) thì đem gieo.

- + Gieo mạ: Mạ gieo thưa, đều, tránh vồng nước trên mặt luống.

- Bón phân cho ruộng mạ (tính cho 1 sào Bắc bộ tương đương 360 m² mạ)

- + Bón lót: 300 - 350 kg phân chuồng + 15 – 20 kg NPK

- + Bón thúc lần 1 khi mạ đạt 2,5 lá: 2 kg đạm + 1 kg kali

- + Bón thúc lần 2 khi mạ được 3,0 - 4,0 lá: 2 kg đạm + 1 kg kali

- Cây lúa: Mật độ cấy 40 - 45 khóm/m², cấy từ 1 - 2 dảnh/khóm, cấy nông tay.

- Phân bón ruộng lúa cấy (1 sào Bắc bộ tương đương 360 m²)

+ Lượng phân bón: Phân chuồng: 300 – 350 kg

Phân Lân Supe: 18 - 20 kg

Phân đạm urê: 8 - 10 kg

Phân Kaliclorua: 6 - 8 kg kali

Đất chua cần bón trước cấy 15 - 20 kg vôi bột.

(Nếu sử dụng phân NPK 5:10:3 thì lượng bón: 25 kg phân NPK, 6 - 7 kg đạm + 5 - 6 kg kali)

+ Cách bón:

Bón lót toàn bộ Phân chuồng + Phân lân + 40% đạm + 40% kali.

Bón thúc đẻ nhánh (sau cấy 8 - 10 ngày khi lúa hồi xanh, ra lá mới): 40% đạm + 20 % kali.

Bón nuôi đòng (Trước khi lúa trổ 10 - 15 ngày): 20 % đạm + 40 % kali.

- Chăm sóc: Bón phân, làm cỏ, tưới nước như các giống lúa lai khác. Phòng trừ sâu bệnh kịp thời theo hướng dẫn của BVTV tại địa phương.

- Thu hoạch: Gặt lúa vừa độ chín (khi có > 90 % số hạt/bông chín), thu lúc trời nắng ráo, phơi nắng nhẹ, không phơi quá mỏng, để đảm bảo chất lượng của giống.